

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 28/03/2025

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Hoàng
2. Ông Nguyễn Đăng Hòa

-Thư ký phiên tòa: Bà Phan Minh Chiến – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Hải Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025 tại Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2025/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Rmah D; sinh năm 1990; địa chỉ: Làng P, Thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị K, Boan H, sinh năm 1990; Địa chỉ: B M, R, NC 27604, USA (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Rmah D trình bày.

Tôi và bà K, Boan H qua tìm hiểu đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh G theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 55/2014, quyển số: 01/2011, ngày 27/12/2014.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng tôi có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân bắt nguồn từ việc chúng tôi không có tiếng nói chung trong cuộc sống gia đình, dẫn đến thường xuyên tranh cãi. Tôi và bà K, Boan H đã cố gắng dung hòa cho gia đình được hạnh phúc nhưng không đạt được kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân.

Đặc biệt là sau thời gian bà K, Boan H đến USA sinh sống và làm việc thì tình cảm vợ chồng ngày càng khó hàn gắn. Chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tôi nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Do đó, tôi kính đề nghị Q Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với bà K, Boan H1

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán tài sản chung: Anh Rmah D không yêu cầu tòa án giải quyết.

Anh Rmah D có đơn xin xét xử vắng mặt và đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

2. Tại bản tự khai bị đơn chị K, Boan H trình bày:

Tôi và ông R Drê sống chung với nhau từ năm 2014. Việc sống chung là tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân tỉnh G ngày 27/12/2014. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống không hợp nhau nên thường xuyên tranh cãi, quan hệ ngày càng bất hòa, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc. Ngoài ra, không gặp nhau và xa cách về mặt địa lý nên giữa tôi và ông Rmah D không tình cảm với nhau. Tôi và ông Rmah D cũng đã nhiều lần nói chuyện và hòa giải nhưng không tìm được tiếng nói chung. Chúng tôi đã sống ly thân với nhau từ năm 2016 đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Tôi nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc.

Tôi đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông Rmah D.

Về con chung: Chúng tôi không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và có đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án.

3. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai có ý kiến như sau:

Về trình tự, thủ tục tố tụng: Việc Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về thụ lý vụ án, thẩm quyền giải quyết vụ án cũng như trình tự phiên tòa. Đảm bảo về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Rmah D và K, Boan H được ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Chị K, B H hiện đang cư trú, làm việc tại Hoa Kỳ, còn anh Rmah D đăng ký hộ khẩu thường trú tại Làng P, Thị trấn N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Anh chị thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai giải quyết vụ án và anh Rmah D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị K, Boan H, nên đây là vụ án tranh chấp ly hôn có yếu tố nước ngoài theo quy định tại khoản 25 Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai quy định tại điểm a khoản 2 Điều 38 và điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án anh Rmah D, chị K, Boan H đều có đơn xin xét xử vắng mặt, đơn xin rút ngắn thời gian giải quyết vụ án, đề nghị không tham gia hòa giải và công khai chứng cứ. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân:

Anh Rmah D và chị K, Boan H kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và được Ủy ban nhân dân tỉnh G cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27/12/2014. Như vậy, anh Rmah D và chị K, Boan H đã xác lập quan hệ vợ chồng theo qui định của pháp luật về hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn anh Rmah D và chị K, Boan H chỉ chung sống với nhau trong một thời gian. Sau đó, chị K, Boan H chuyển sang sinh sống ở Hoa Kỳ cho đến nay. Chị K, B H và anh R Drê không có con chung lại sống cách xa nhau nên không có điều kiện gần gũi, chăm sóc, động viên nhau trong cuộc sống nên tình cảm phai nhạt dần. Vì vậy, khi anh Rmah D có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị K, Boan H cũng đồng ý, chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa anh Rmah D và chị K, Boan H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Rmah D.

2.2. Về con chung: Không có nên không xem xét.

2.3. Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự trình bày, họ không có tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí: Anh Rmah D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 38, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, điểm d khoản 1 Điều 469, Điều 477, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 25 Điều 3, Điều 51, Điều 53, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Rmah D.

Anh Rmah D được ly hôn với chị K, Boan H.

3. Về án phí:

Buộc anh Rmah D phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số: 0000219 ngày 20-02-2025 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, anh Rmah D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền kháng cáo vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo quy định

Riêng đương sự ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai;

-Cục Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai;

-UBND tỉnh Gia Lai;

-Các đương sự;

-Lưu hồ sơ, Tòa HN-CTN, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Nhân